Số: 1104/QĐ-UBND
Thời gian ký: 13/05/2022 14:16:57 +07:00

Phụ lục II

DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG KỲ QUY HOẠCH 2021 - 2030
CỦA HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính diện tích: Ha

TT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Krông Năng	Xã Dliêya	Xã Ea Tóh	Xã Ea Tam	Xã Phú Lộc	Xã Tam Giang	Xã Ea Púk	Xã Ea Dăh	Xã Ea Hồ	Xã Phú Xuân	Xã Cư Klông	Xã Ea Tân
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)=(5)+...+(16)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*
1	**Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp**	**NNP/PNN**	**2.238,58**	**176,87**	**124,58**	**75,93**	**165,85**	**254,41**	**178,32**	**100,43**	**87,08**	**136,70**	**714,52**	**99,81**	**124,08**
	Trong đó:														
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	54,17	1,36	0,12	0,01	2,45	3,63	0,68	6,26	6,06	5,39	25,85	0,49	1,88
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC/PNN*	47,15	1,04	0,12	0,01	2,45	2,64	0,68	2,72	6,05	5,39	25,85	0,20	0,01
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	82,40	9,37	0,02	0,40	10,77	2,48	3,44	11,90	23,63	1,40	12,58	0,57	5,84
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	2.059,10	164,75	121,16	75,48	152,38	247,26	173,18	81,79	54,19	129,43	649,96	98,63	110,89
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	3,09		2,97		0,11							0,01	
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN/PNN*	*0,11*				*0,11*								
1.5	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS/PNN	39,81	1,39	0,31	0,04	0,14	1,04	1,02	0,48	3,20	0,48	26,13	0,11	5,47
2	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**		**35,17**		**4,51**		**4,88**	**0,58**						**25,20**	
	Trong đó:														
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	8,81		4,51			0,58						3,72	
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	11,61				4,88							6,73	
2.3	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp	RSX/NKR	14,75											14,75	
3	**Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở**	**PKO/OCT**	**22,75**		**3,29**	**1,59**	**1,96**	**0,03**	**0,47**	**0,20**		**0,32**	**14,40**	**0,49**	